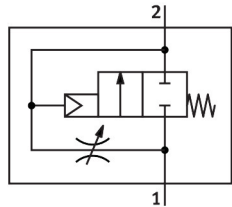


# Van khởi động mềm MS4N-DL-1/8

Số bộ phận: 531992

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Kiểu vận hành                                              | khí nén                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                        |
| Nút ghi đè                                                 | không                                                         |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Đế pít tông                                                   |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                     |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                                                     |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Chức năng van                                              | 2/2                                                           |
| Áp suất vận hành                                           | 4 bar...14 bar                                                |
| giá trị b                                                  | 0.5                                                           |
| Giá trị C                                                  | 4.6 l/s*bar                                                   |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 1000 l/ph                                                     |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 213 g                                                         |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                   |
| Cổng nối khí nén 1                                         | 1/8 NPT                                                       |
| Cổng nối khí nén 2                                         | 1/8 NPT                                                       |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu của phớt                                          | NBR                                                           |
| Vật liệu vỏ                                                | Nhôm đúc áp lực                                               |

